

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HS-ST
Ngày 07 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phúc;
2. Ông Đào Duy Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh L tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quang T - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/HSST-QĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, đối với:

Các bị cáo:

1. Đỗ Văn T; sinh năm 1975 tại Nam Định; nơi cư trú: Thôn B, xã HH, huyện D, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới Rh: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N và bà Trịnh Thị Ỗ; có vợ là Phạm Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2020 đến ngày 31/12/2020 được tại ngoại có mặt tại phiên Tòa.

2. Phạm Văn D, sinh năm 1958 tại L; nơi cư trú: Thôn J, xã A, huyện D, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; giới Rh: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q và bà Vũ Thị Y; có vợ là Vũ Thị

X và 03 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1996. Tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phạm Văn C; sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện D, tỉnh L.
Có mặt.
2. Bùi Thanh R; sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn J, xã S, huyện D, tỉnh L.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhằm mục đích thu lợi bất chính nên bị cáo Đỗ Văn T đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề như sau: Sau khi nhận được tin nhắn ghi con số đánh đề do người chơi đề gửi, nếu đồng ý thì bị cáo T sẽ nhắn tin trả lời “OK”, sau đó ghi trực tiếp trên phơ giấy và thu của người đánh đề 72% số tiền chơi đề, nếu có người ghi đề với số tiền lớn vượt quá khả năng chi trả thì bị cáo T sẽ chuyển bớt cho người khác để hưởng chênh lệch, cụ thể bị cáo T nhận 72% số tiền chơi đề, chuyển lại 70% và hưởng lợi 02%. Sau đó căn cứ vào kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết trong ngày để tính kết quả thắng, thua và trực tiếp trả tiền cho người chơi theo tỷ lệ nếu người chơi đề trúng 02 chữ số thì tỷ lệ thắng là 1 x 70, nếu trúng 03 chữ số tỷ lệ thắng là 1 x 500.

Vào khoảng 16 giờ 20 phút ngày 18/12/2020, Công an huyện D bắt quả tang bị cáo Đỗ Văn T đang có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức ghi số đề tại Thôn B, xã HH, huyện D, tỉnh L, thu giữ của bị cáo T số tiền 27.440.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia bàn phím màu đen không có sim do bị cáo đã tháo sim vứt đi; 01 điện thoại nokia bàn phím màu đen sim số 0933814559 và 0369372097; 01 điện thoại di động I Phon 7 màu hồng và 01 di động I Phon 6 màu bạc.

Quá trình điều tra xác định trong ngày 18/12/2020, bị cáo T đã nhận tin nhắn ghi từ số điện thoại di động 0342156168 của bị cáo Phạm Văn D ghi 18 con số đề với số tiền là 6.208.000 đồng nhưng bị cáo Phạm Văn D chưa trả tiền, bị cáo T đã nhận tin nhắn từ số điện thoại di động 0974240900 của anh Phạm Văn C ghi 02 con số đề với số tiền 360.000 đồng nhưng anh C chưa trả tiền; T ghi của 02 người khách vắng lai chưa rõ nhân thân, lai lịch 12 con số đề với số tiền 5.600.000

đồng và đã nhận tiền. Ngoài ra, do thấy số tiền ghi đề vượt quá khả năng chi trả của mình, bị cáo T đã chuyển lại cho ông Bùi Thanh R 10 con số đề với số tiền 4.750.000 đồng mà bị cáo T đã nhận của người khác để hưởng chênh lệch nhưng bị cáo T chưa trả tiền cho ông Bùi Thanh R.

Trên cơ sở kết quả điều tra như trên, cơ quan Công an đã thu giữ của bị cáo Phạm Văn D 01 điện thoại Nokia bàn phím màu đen mang sim số 0977768935 mà bị cáo D đã nhắn tin đánh đề với bị cáo T. Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Đỗ Văn T, Phạm Văn D và anh Phạm Văn C, ông Bùi Thanh R đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 13/CTr-VKS ngày 04 tháng 4 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện D xác định bị cáo Đỗ Văn T đã thực hiện hành vi đánh bạc với số tiền 12.168.000 đồng; bị cáo Phạm Văn D đã thực hiện hành vi đánh bạc với số tiền 6.208.000 đồng, trên cơ sở đó truy tố bị cáo Đỗ Văn T và bị cáo Phạm Văn D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với anh Phạm Văn C và ông Bùi Thanh R sử dụng số tiền dưới 5.000.000 đồng để đánh bạc và không có tiền án, tiền sự nên cơ quan Công an đã xử phạt hành chính.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị T bố các bị cáo Đỗ Văn T, Phạm Văn D phạm tội đánh bạc. Đề nghị áp dụng Điều 35, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, áp dụng phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng; xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Đề nghị tịch thu sung công quỹ của bị cáo Đỗ Văn T số tiền đánh bạc đã nhận được là 5.600.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia bàn phím màu đen không có sim số, 01 điện thoại nokia bàn phím màu đen sim số 0933814559 và 0369372097; tịch thu của bị cáo Phạm Văn D số tiền đánh bạc 6.208.000 đồng và 01 điện thoại nokia bàn phím màu đen mang sim số 0977768935 là tang vật của vụ án; tịch thu của anh Phạm Văn C số tiền đánh bạc 360.000 đồng; tạm giữ của bị cáo Đỗ Văn T số tiền 27.440.000 đồng để bảo đảm việc thi hành án.

Kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn T và bị cáo Phạm Văn D đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố là đúng, thừa nhận bản thân đã vi phạm pháp luật hình sự và thể hiện thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì về tội danh, điều luật, mức

hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề xuất và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo và những người liên quan tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó có cơ sở xác định xác định: Trong ngày 18/12/2020, bị cáo Đỗ Văn T sử dụng điện thoại di động nhận tin nhắn để đánh bạc dưới hình thức số đề với nhiều người gồm: Bị cáo Phạm Văn D ghi 18 con số đề với số tiền là 6.208.000 đồng, anh Phạm Văn C ghi 02 con số đề với số tiền 360.000 đồng nhưng bị cáo Dương và anh C chưa trả tiền ghi đề cho bị cáo T; bị cáo T ghi đề với 02 người khách vắng lai chưa rõ nhân thân, lai lịch 12 con số đề với số tiền 5.600.000 đồng và đã nhận tiền. Do thấy số tiền ghi đề vượt quá khả năng chi trả của mình nên bị cáo T chuyển lại cho Bùi Thanh R 10 con số đề với số tiền 4.750.000 đồng mà T đã nhận của người khác nhưng chưa giao tiền cho anh R. Hành vi của các bị cáo Đỗ Văn T, Phạm Văn D đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, Viện kiểm sát nhận dân huyện D truy tố các bị cáo Đỗ Văn T, Phạm Văn D theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với anh Phạm Văn C và ông Bùi Thanh R sử dụng số tiền dưới 5.000.000 đồng để đánh bạc và không có tiền án, tiền sự nên cơ quan Công an đã xử phạt hành chính là phù hợp.

[3] Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn, hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Sau khi cân nhắc Rh chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy các bị cáo đánh bạc nhằm thu lợi bất chính và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên việc Viện kiểm sát đề nghị sử dụng biện pháp kinh tế, áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung nên cần chấp nhận. Xét bị cáo T đánh bạc với nhiều người và số tiền sử dụng để đánh bạc nhiều hơn bị cáo Dương, nên bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Dương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 5.600.000 đồng bị cáo T có được từ hành vi đánh bạc, 01 điện thoại di động Nokia bàn phím màu đen không có sim; 01 điện thoại nokia bàn phím màu đen sim số 0933814559 và 0369372097 bị cáo T sử dụng làm công cụ phạm tội; 01 điện thoại nokia bàn phím màu đen có sim số 0977768935 bị cáo Dương sử dụng làm công cụ phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 6.208.000 đồng của bị cáo Dương và số tiền 360.000 đồng của anh C sử dụng đánh bạc nhưng chưa thanh toán cho bị cáo T, cần buộc bị cáo Dương và anh C nộp để sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 27.440.000 đồng thu giữ của bị cáo T cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm việc thi hành án. Đối với 01 điện thoại di động I Phon 7 màu hồng và 01 di động I Phon 6 màu bạc thu giữ của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã trả lại cho bị cáo nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cần buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. T bố các bị cáo Đỗ Văn T, Phạm Văn D phạm tội “Đánh bạc”.
 2. Áp dụng Điều 17, Điều 35, Điều 50, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.
- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu để sung quỹ Nhà Nước các tài sản sau: Của bị cáo Đỗ Văn T 5.600.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia bàn phím màu đen không có sim số, 01 điện thoại nokia bàn phím màu đen sim số 0933814559 và 0369372097; của bị cáo Phạm Văn D 6.208.000 đồng, 01 điện thoại nokia bàn phím màu đen mang sim số 0977768935; của anh Phạm Văn C 360.000 đồng (*Các điện thoại nêu trên có tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 16/4/2021 giữa Công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D*).

Tạm giữ của bị cáo Đỗ Văn T số tiền 27.440.000 đồng để bảo đảm việc thi hành án (*Số tiền trên Công an huyện D đã nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện D theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ghi ngày 04/01/2021*).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Văn T, Phạm Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án để yêu cầu TAND tỉnh L xét xử phúc thẩm (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình).

Nơi nhận

- TAND Tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Sở Tư pháp L;
- Các bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Sỹ